

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 9 năm 2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Tâm và ông Nguyễn Thanh Sơn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 146/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lưu Thị C, sinh năm 1995; địa chỉ: tổ A, khóm T, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Võ Hữu L, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ I, ấp V, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; ông L đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lưu Thị C trình bày:

Bà C và ông L tự tìm hiểu yêu thương nhau và tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã T. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng sống tại phường N, thị xã T, tỉnh An Giang. Quá trình sống chung, thời gian đầu hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không còn sống chung từ nhiều năm nay. Nay tình cảm không còn, bà C yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: có 01 con chung tên Võ Hữu T, sinh ngày 21/9/2020. Bà C yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, nhưng ông L vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhiều lần không lí do, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 BLTTDS năm 2015.

+ Về việc giải quyết vụ án: Vào năm 2018, bà C và ông L đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã T, nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm. Nhận thấy, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L. Bị đơn ông L mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng. Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, cả hai xảy ra mâu thuẫn, hiện không còn sống chung, tình cảm không còn, suốt thời gian xảy ra mâu thuẫn, cả hai cũng không thể chủ động hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án ông L biết việc bà C kiện yêu cầu ly hôn nhưng ông không tham gia hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà C yêu cầu được ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận. Về con chung trong thời kỳ hôn nhân, có 01 con chung tên Võ Hữu T, sinh ngày 21/9/2020. Bà C yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Xét, con chung hiện đang sống cùng bà C, để đảm bảo ổn định cuộc sống, tâm lý cho con, việc giao con chung cho bà C tiếp tục nuôi dạy là phù hợp quy định pháp luật, nên chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C trong việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung nợ chung không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ phân tích trên, căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố C. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã T theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 38/2018, cấp ngày 29/8/2018 nên là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà C yêu cầu xin ly hôn ông L, nêu nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, có nhiều mâu thuẫn lớn trong cuộc sống, vợ chồng không sống chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L nhiều lần vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì về việc ly hôn. Từ đó, cho thấy ông L không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, việc bà C yêu cầu xin ly hôn ông L có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà C và ông L có 01 con chung tên Võ Hữu T, sinh ngày 21/9/2020, hiện đang sống cùng bà C. Xét con chung hiện do bà C nuôi dạy, đảm bảo về thể chất, tinh thần của các cháu. Do đó, giao con chung cho bà C được tiếp tục nuôi dạy cho đến trưởng thành. Bà C không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của bà C, xét chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5] Về án phí: Bà C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,***QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 82 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị C

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị C được ly hôn với ông Võ Hữu L.
2. Về con chung: Bà Lưu Thị C được quyền nuôi dạy Võ Hữu T, sinh ngày 21/9/2020 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Võ Hữu L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lưu Thị C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Võ Hữu L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, hạn chế quyền thăm nom con chung, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Lưu Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0003407 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, bà Lưu Thị C đã nộp đủ;

Ông Võ Hữu L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Lưu Thị C và Võ Hữu L có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của bà C, ông L là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát ND Tỉnh AG(1)
- Viện kiểm sát TPCĐ (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1)

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc